

Phân công lao động trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình nông thôn thời kỳ 1960-1975

Lỗ Việt Phương

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Sử dụng số liệu khảo sát về gia đình nông thôn Bắc Bộ giai đoạn 1960-1975 trong khuôn khổ hệ Đề tài cấp Viện năm 2017 của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, bài viết tìm hiểu về phân công lao động trong sản xuất/kinh doanh của hộ gia đình nông thôn những năm 1960-1975.⁽¹⁾ Kết quả nghiên cứu cho thấy người vợ là người thực hiện chính các khâu trong công việc sản xuất kinh doanh của hộ gia đình. Đáng chú ý, mô hình người vợ là người đảm nhiệm chính công việc sản xuất/ kinh doanh của hộ được quyết định bởi bối cảnh xã hội và lịch sử giai đoạn 1960 - 1975 thay vì các yếu tố nguồn lực hay giá trị văn hóa.

Từ khóa: Gia đình; Gia đình nông thôn; Phân công lao động trong gia đình; Miền Bắc giai đoạn 1960-1975.

1. Giới thiệu

Để xây dựng miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được phát động từ năm 1958 và trở thành cao trào trong năm 1960. Cuối năm 1960, toàn miền Bắc đã có 2.404.800 hộ, chiếm tỷ lệ 85,83% số hộ nông nghiệp, vào làm ăn tập thể. Ở địa bàn nông thôn, từ

năm 1965 trở đi, số hộ nông dân tham gia hợp tác xã (HTX) ngày càng cao. Đến năm 1970, tỷ lệ nông dân vào làm ăn tập thể lên 95,5%. Đến năm 1975, có 96,4% số hộ xã viên tham gia HTX nông nghiệp bậc cao. Trong 15 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội (1960 – 1975), ở miền Bắc có hiện tượng di dân cơ học khá lớn. Hơn nữa, trong kháng chiến chống Mỹ, đã có hàng triệu thanh niên rời quê hương tham gia lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong hay dân công hỏa tuyến. Nhiều đơn vị dân quân trực chiến thu hút hàng chục vạn người khác tham gia bảo vệ quê hương. Vì vậy, có hiện tượng trong các HTX sản xuất nông nghiệp, phần lớn công việc sản xuất đều phụ thuộc vào phụ nữ và những người ở ngoài độ tuổi lao động (Tổng cục Thống kê, 1990).

Cũng trong giai đoạn này, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã phát động phong trào “Ba đảm nhiệm” với toàn thể phụ nữ miền Bắc. Phong trào Ba đảm nhiệm gồm: đảm nhiệm sản xuất và công tác thay thế cho nam giới đi chiến đấu; đảm nhiệm công việc gia đình, khuyến khích chồng con yên tâm chiến đấu; đảm nhiệm phục vụ chiến đấu khi cần thiết. Phong trào này là một cuộc vận động chính trị, cổ vũ chị em phấn đấu tự cường để gánh vác trách nhiệm mới. “Phải lao động khẩn trương với năng suất cao hơn để làm thêm phần của nam giới, của chồng con đi chiến đấu” (Nhiều tác giả, 1965).

Với mô hình kinh tế tập thể mà chủ đạo là mô hình HTX nông nghiệp và những điều kiện chính trị - xã hội ở nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960 – 1975, vai trò và địa vị của người phụ nữ trong gia đình cũng như trong sản xuất có những thay đổi đáng kể. Phụ nữ được tham gia nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế tập thể do nam giới đi chiến trường. Tuy nhiên, “lợi thế” này trong một số trường hợp cũng là những “bất lợi” do người phụ nữ phải đảm đương gánh vác cả các công việc chăm sóc con cái, chu toàn với hai bên họ hàng và tham gia sản xuất tập thể. Sử dụng dữ liệu điều tra hồi cố về Gia đình nông thôn Bắc Bộ giai đoạn 1960-1975 tại xã Nghĩa Hùng và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định, bài viết tìm hiểu về các hoạt động kinh tế trong quy mô hộ gia đình, sự phân công lao động trong sản xuất/kinh doanh (SX/KD) và các yếu tố ảnh hưởng đến người đảm nhiệm chính công việc SX/KD của hộ gia đình. Việc sử dụng phương pháp hồi cố giúp cho nhà nghiên cứu tái hiện lại được đời sống của người dân nông thôn trong giai đoạn này. Tuy vậy, phương pháp hồi cố có những điểm hạn chế nhất định về tính chính xác. Đặc biệt với chủ đề phân công lao động, tính chính xác của số liệu sẽ chỉ mang tính chất tương đối khi người trả lời cung cấp thông tin về các công việc, người thực hiện các công việc của gia đình họ cách đây một khoảng thời gian khá xa,

từ 42 đến 57 năm. Hơn nữa, người trả lời tham gia trong khảo sát này là những người hiện đang ở lại địa phương, không đại diện được hoàn toàn cho người dân nông thôn tại địa bàn ở giai đoạn đó. Bởi vậy, các dữ liệu trong nghiên cứu này chỉ đại diện cho những người đã và đang sống tại địa bàn khảo sát và là những dữ liệu tham khảo, chưa phản ánh đầy đủ về mô hình phân công lao động trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960 - 1975.

2. Điểm luận

Tư liệu về hôn nhân – gia đình trong giai đoạn 1960 -1975 ở miền Bắc chủ yếu là các bài viết của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các xuất bản phẩm của một số cơ quan quản lý nhà nước nhằm phục vụ cho “mặt trận tư tưởng văn hóa” thời kỳ này (Nhiều tác giả, 1965). Các tư liệu nghiên cứu xuất bản trong thời kỳ này không nhiều và chủ yếu bàn về vị trí và vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội qua việc thực hiện phong trào Ba đảm nhiệm trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tính cấp cần giải phóng phụ nữ thời kỳ này.

Các tư liệu trước những năm 90 của thế kỷ XX về gia đình và phụ nữ ở miền Bắc giai đoạn 1960-1975 thường phản ánh sự tham gia và vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế gia đình cũng như kinh tế tập thể (Lê Trọng và Lê Thị Nhâm Tuyết, 1988) thông qua một số khía cạnh như: các hoạt động xã hội và lao động ở HTX và lao động gia đình, thu nhập, đời sống tinh thần của người phụ nữ và địa vị của họ trong gia đình (Phạm Bích Hằng, 2002; Trần Thị Vân Anh, 2001).

Hầu hết các gia đình nông thôn đều tham gia vào sản xuất tập thể dưới sự điều hành của HTX. Sự chuyển đổi mô hình kinh tế mang tính tư hữu sang hình thức tập thể đã có tác động mạnh mẽ tới lĩnh vực nông nghiệp và đơn vị sản xuất là hộ gia đình. Điều này đã làm thay đổi sự phân công lao động truyền thống theo giới: phụ nữ cũng như nam giới đều được bình đẳng tham gia HTX (Trích lại theo Đào Hồng Lê và cộng sự, 2014). Rõ ràng việc vận hành bởi quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa mới cùng với bối cảnh chính trị xã hội của giai đoạn 1960 – 1975 khi mà phần lớn nam giới được điều động ra chiến trường đã làm thay đổi phân công lao động trong gia đình, đặc biệt là đối với các gia đình ở nông thôn. Theo đó, ở nông thôn, mô hình HTX nông nghiệp đã làm thay đổi địa vị của phụ nữ. Cụ thể, họ tham gia các công việc xã hội ngang với nam giới, thậm chí đảm nhiệm các công việc vốn trước đây thuộc về nam giới trong hoạt động sản xuất. Nhìn chung, phụ nữ miền Bắc trong thời kỳ này giữ một vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế hộ gia đình.

3. Phân công lao động sản xuất trong hộ gia đình nông thôn thời kỳ 1960 - 1975

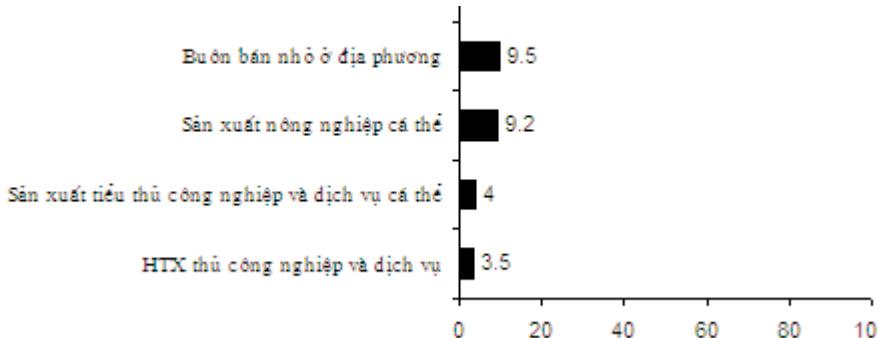
Các hoạt động sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp của hộ gia đình

Tìm hiểu về các mô hình SX/KD hộ gia đình tại hai xã thuộc Nam Định cho thấy 93,5% trong tổng số 400 hộ gia đình tham gia sản xuất HTX nông nghiệp, 3,5% hộ gia đình đã tham gia vào HTX thủ công và dịch vụ. Kinh tế cá thể hộ gia đình vẫn được một bộ phận các hộ gia đình duy trì bên cạnh việc tham gia sản xuất HTX với 9,5% hộ gia đình ở địa phương có hoạt động kinh tế buôn bán nhỏ, 9,2% duy trì sản xuất hộ nông nghiệp cá thể.

Lĩnh vực làm việc chính của người vợ và người chồng trong gia đình

Lao động sản xuất tập thể HTX là mô hình chủ đạo của miền Bắc trong giai đoạn 1960-1975. Tuy nhiên, có sự chênh lệch đáng kể giữa người vợ và người chồng ở cả hai giai đoạn, năm đầu và năm thứ năm sau kết hôn, người vợ tham gia HTX nhiều hơn so với người chồng (xem Bảng 1).

Hình 1. Mô hình hoạt động sản xuất của hộ gia đình (%)



Bảng 1. Lĩnh vực làm việc chính của người vợ và người chồng (%)

Lĩnh vực việc làm	Năm đầu kết hôn		Thời điểm 5 năm kết hôn	
	Người chồng	Người vợ	Người chồng	Người vợ
Nhà nước	36,2	12,5	41,5	12,5
Tư nhân, hộ gia đình	2,8	3,5	3,5	3,8
HTX	61,0	84,0	55,0	83,8

Điều đáng nói là tỷ lệ người vợ tham gia HTX trong năm đầu tiên và năm thứ năm sau kết hôn không thay đổi trong khi tỷ lệ này ở người chồng có những chuyển dịch nhất định. Trong năm đầu kết hôn, 61% người chồng làm việc ở HTX thì đến thời điểm 5 năm sau còn 55%. Sau 5 năm kết hôn, việc làm của người chồng có sự chuyển dịch nhẹ từ khu vực HTX sang khu vực nhà nước. Điều này có thể là do tỷ lệ người chồng đi bộ đội tăng lên và một số ít rời HTX làm các nghề phi nông cho hộ gia đình. Trong khi đó, người vợ hầu như không có sự chuyển dịch về việc làm là do trong 5 năm đầu kết hôn người vợ thường gắn liền với việc sinh nở và nuôi con.

Người thực hiện chính các hoạt động SX/KD trong hộ gia đình

Tính đến thời điểm 5 năm sau kết hôn, các hoạt động sản xuất chung với gia đình là chủ yếu: sản xuất nông nghiệp là 57,8%, sản xuất phi nông nghiệp là 6,8%. Trong hộ gia đình nông thôn ở Nam Định giai đoạn 1960 – 1970 mô hình phân công lao động trong SX/KD như thế nào?

Số liệu từ bảng 2 cho thấy, người vợ là người thực hiện chính các hoạt động SX/KD trong gia đình ở hầu hết các khâu: từ quản lý tiền bạc, bán sản phẩm, mua sắm cho hoạt động SX/KD, vận chuyển hàng hóa, trực tiếp SX/KD và quản lý SX/KD. Sự tham gia của người chồng khá hạn chế so với người vợ, thậm chí là thấp hơn so với người mẹ trong hộ gia đình đối với các hoạt động liên quan đến mua sắm, bán sản phẩm và quản lý tiền. Kết quả này phù hợp với dữ liệu của Tổng cục Thống kê về thời kỳ này cho rằng, do “cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước phát triển lên đỉnh cao, đã có hàng triệu thanh niên rời quê hương tham gia lực lượng vũ trang, thanh niên xung phong hay dân công hỏa tuyến. Vì vậy, có hiện

**Bảng 2. Người thực hiện chính các hoạt động SX/KD
trong hộ gia đình (%)**

Hoạt động	Người chồng	Người vợ	Hai vợ chồng	Mẹ hai bên	Bố hai bên	N
Quản lý SX/KD	15,5	39,2	19,0	13,4	12,9	243
Vận chuyển hàng hóa, sản phẩm	25,9	40,0	20,9	4,5	8,6	232
Trực tiếp SX/KD	15,2	46,5	26,3	6,2	5,8	239
Mua sắm cho hoạt động SX/KD	14,2	46,9	14,6	18,0	6,3	217
Bán sản phẩm	6,0	59,6	12,4	18,9	3,2	220
Quản lý tiền bạc	6,6	63,1	3,7	23,2	3,3	241

tượng trong các HTX sản xuất nông nghiệp, phần lớn công việc sản xuất đều phụ thuộc vào phụ nữ và những người ở ngoài độ tuổi lao động” (Tổng cục Thống kê, 1990).

Các yếu tố tác động đến việc trực tiếp SX/KD của người vợ trong gia đình nông thôn những năm 1960 – 1975

Tổng quan tài liệu nghiên cứu về thời kỳ này cho thấy điều kiện lịch sử và bối cảnh xã hội là một trong những yếu tố có tác động cơ bản đến việc người vợ là người thực hiện chính các hoạt động SX/KD của hộ gia đình.Thêm vào đó, các kết quả nghiên cứu trong thời gian gần đây cho thấy có sự chuyển dịch về vai trò của người vợ và người chồng trong hoạt động SX/KD nói chung và hoạt động sản xuất nông nghiệp nói riêng. Xét chung trên quy mô toàn quốc, SX/KD trong hộ gia đình được cho rằng phù hợp hơn với nam giới và nam giới cũng là người làm nhiều hơn so với phụ nữ (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, 2008; Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hữu Minh, 2008). Tuy nhiên, điểm khác biệt có thể là do mô hình SX/KD trong các nghiên cứu này được tính bao gồm đa lĩnh vực, đa ngành nghề chứ không chỉ riêng trong ngành nông nghiệp.

Trong phân tích này chúng tôi vận dụng quan điểm của lý thuyết sự lựa chọn hợp lý. Lý thuyết lựa chọn hợp lý xuất phát từ các quan điểm kinh tế học và coi nguồn lực có vai trò then chốt trong việc ra quyết định (Mai Huy Bích, 2010), trên cơ sở đó, chúng ta thường tối đa hóa lợi ích trong các mối quan hệ. Theo đó, các yếu tố như thu nhập, trình độ học vấn có sự tác động đến phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình. người vợ hay người chồng có thu nhập cao hơn, có trình độ học vấn tốt hơn sẽ có nguồn lực tốt hơn trong SX/KD. Hơn nữa, trong bối cảnh người chồng đi bộ đội, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu thì người vợ ở lại quê hương là người đảm nhiệm quản xuyến công việc gia đình và sản xuất.

Kết quả khảo sát cho thấy 46,5% người vợ là người thực hiện chính các công việc SX/KD của hộ gia đình trong giai đoạn 1960-1975. Để tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc phụ nữ là người thực hiện chính công việc SX/KD cho hộ gia đình, mô hình hồi quy đa biến được xây dựng với biến phụ thuộc là: “Vợ thực hiện chính việc SX/KD” với các phương án trả lời; 1=Có; 0=Không. Các biến số độc lập bao gồm: nghề nghiệp của người vợ vào năm đầu kết hôn; nghề nghiệp của người chồng vào năm đầu kết hôn; so sánh học vấn của vợ và chồng; năm kết hôn; người đóng góp thu nhập nhiều nhất vào năm đầu kết hôn. Các biến can thiệp bao gồm: mức sống của hộ gia đình 5 năm đầu kết hôn; chung sống với bố mẹ 2 bên trong 5 năm đầu hôn nhân; khoảng thời gian xa chồng/ vợ trong 5 năm đầu kết hôn (Bảng 3).

Bảng 3. Mô hình hồi quy các yếu tố tác động đến việc người vợ là người thực hiện chính việc SX/KD trong 5 năm đầu hôn nhân

Biến số độc lập	Tỉ số chênh lệch (Odds Ratios)	
	Mô hình cuối	Số lượng
Năm kết hôn		
1971-1974	1	80
1966-1970	1,0	94
1960-1965	0,9	69
Nghề nghiệp của vợ		
Phi nông nghiệp	1	26
Nông nghiệp	4,0**	217
Nghề nghiệp của chồng		
Bộ đội/công an	1**	40
Nông nghiệp	0,4**	151
Phi nông nghiệp	1,2	52
So sánh học vấn của vợ và chồng		
Bằng nhau	1	157
Chồng cao hơn	1,3	70
Vợ cao hơn	0,9	16
Người đóng góp kinh tế nhiều hơn		
Hai vợ chồng bằng nhau	1	104
Người vợ	1,5	56
Người chồng	1,6	83
Mức sống của HGD 5 năm đầu kết hôn		
Nghèo	1	141
Trung bình	0,7	102
Sống chung với cha mẹ trong 5 năm đầu		
Sống riêng	1	105
Sống chung	0,8	138
Xa chồng/vợ trong 5 năm đầu		
Không xa	1*	128
Dưới 1 năm	1,3	49
Một năm trở lên	2,3**	66
N		243

Mức ý nghĩa thống kê: * $P<0,1$ ** $P<0,05$ *** $P<0,001$

Năm kết hôn hầu như không có tác động đến việc người vợ làm chính công việc SX/KD của hộ gia đình. Điều này có thể do trong bối cảnh lịch sử miền Bắc chiến tranh kéo dài và việc duy trì mô hình HTX nông nghiệp trong suốt thời kỳ này nên không có sự khác biệt. Trong bối cảnh miền Bắc vừa sản xuất vừa kháng chiến chống đế quốc Mỹ và tiến hành xây

44 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 6, tr. 37-46

dựng chủ nghĩa xã hội, lao động sản xuất nông nghiệp chủ yếu do phụ nữ đảm nhiệm, kể cả những việc cày ruộng xưa vốn thuộc lĩnh vực nam giới độc quyền (Hoàng Bá Thịnh, 2002). Quán triệt đường lối của Đảng, phong trào thi đua chống Mỹ, cứu nước diễn ra sôi nổi với khẩu hiệu “mỗi người làm việc bằng hai” do Chủ tịch Hồ Chí Minh phát động từ Hội nghị chính trị đặc biệt năm 1964 (Doãn Hùng và Đoàn Minh Huấn, 2010).

Trong nghiên cứu này, biến số nghề nghiệp của người vợ và người chồng được tìm hiểu ở thời điểm năm đầu tiên kết hôn và năm thứ năm của hôn nhân. Những phân tích trên đây cho thấy nghề nghiệp của người vợ hầu như không có sự chuyển dịch và nghề nghiệp của người chồng có sự chuyển dịch nhẹ trong khoảng thời gian này. Do vậy, chúng tôi lựa chọn biến số nghề nghiệp vợ và người chồng ở năm đầu kết hôn để tìm hiểu về sự tác động đến việc thực hiện chính SX/KD của người vợ trong 5 năm đầu hôn nhân. Kết quả từ bảng 3 cho thấy nghề nghiệp của cả vợ và chồng có những tác động nhất định đến khả năng người vợ là người thực hiện chính việc SX/KD trong hộ gia đình, đặc biệt là nghề nghiệp của người vợ. Việc SX/KD của hộ gia đình thời kỳ 1960 – 1975 chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, vì vậy, nếu vợ làm việc thuộc lĩnh vực nông nghiệp thì khả năng người vợ làm chính trong SX/KD của hộ cao gấp bốn lần so với người vợ có việc làm phi nông nghiệp. Trong các gia đình người chồng là bộ đội, công an – nhóm nghề nghiệp thường vắng nhà - thì người vợ có xu hướng thực hiện chính công việc SX/KD trong gia đình nhiều hơn gấp 2,5 lần so với các gia đình có chồng làm nông nghiệp.

Theo quan điểm lý thuyết nguồn lực, yếu tố thu nhập và học vấn có tác động nhất định đến việc phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình. Tuy nhiên, do bối cảnh kinh tế - xã hội những năm 1960 – 1975, khi mà nhà nhà tham gia HTX nông nghiệp và hầu hết nam giới tham gia và phục vụ chiến đấu, việc có thu nhập và học vấn cao hơn của người vợ và người chồng hầu như không có tác động đến việc người vợ làm chính việc SX/KD của hộ.

Các nghiên cứu về gia đình cho thấy gia đình mở rộng có những ưu thế nhất định cho việc tập trung nhân lực cho SX/KD hộ gia đình và có sự hỗ trợ nhất định từ các thành viên trong cuộc sống (Mai Huy Bích, 2010). Bên cạnh ý nghĩa tục lệ sống chung gia đình chồng sau khi cưới trong một khoảng thời gian nhất định thì nhiều cặp vợ chồng trẻ cũng cần đến sự giúp đỡ của bố mẹ và các anh chị em trong thời gian đầu kết hôn (Nguyễn Hữu Minh, CH. Hirschman, 2000; Mai Văn Hai và cộng sự, 2000). Tuy nhiên, số liệu từ bảng 3 ở nghiên cứu này cho thấy việc chung sống với cha mẹ hai bên trong khoảng 5 năm đầu hôn nhân không có tác động đáng kể đến

khả năng người vợ làm chính các công việc SX/KD trong hộ gia đình.

Năm 1964, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Vì vậy, trong giai đoạn này, miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa xây dựng kinh tế. Trong bối cảnh này, phần lớn nam giới được huy động phục vụ và trực tiếp chiến đấu. Khoảng thời gian người chồng đi xa nhà trong 5 năm đầu hôn nhân có ảnh hưởng như thế nào đến phân công lao động trong gia đình? Kết quả từ mô hình hồi quy cho thấy việc đi xa nhà của người chồng có những ảnh hưởng nhất định đến khả năng người vợ là người đảm nhiệm chính việc SX/KD của gia đình, đặc biệt trong nhóm gia đình có thời gian xa cách từ một năm trở lên. Trong 5 năm đầu kết hôn, khoảng thời gian xa cách càng lớn thì người vợ trong các gia đình càng có nhiều khả năng là người đảm nhiệm chính công việc lao động SX/KD của gia đình. Những gia đình vợ chồng có khoảng thời gian xa nhau một năm trở lên trong 5 năm đầu hôn nhân, người vợ có khả năng làm chính các công việc SX/KD gấp 2,3 lần so với các gia đình không có sống xa nhau.

Kết luận

Trong giai đoạn 1960 – 1975, do bối cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, vai trò của phụ nữ đối với gia đình và xã hội càng được khẳng định hơn bao giờ hết. Phụ nữ có vai trò “đảm nhận công tác hậu phương thay thế nam giới ra tiền tuyến”. Trong các gia đình nông thôn ở Nam Định, người vợ là người đảm nhiệm chính đối với tất cả các công việc SX/KD của hộ. Các yếu tố nghề nghiệp của người vợ, người chồng và thời gian sống xa nhau trong 5 năm đầu có tác động mạnh đến khả năng người vợ là người đảm nhiệm chính công việc SX/KD của hộ gia đình. Điều này cho thấy, kết quả phân tích hoàn toàn phù hợp với những dữ liệu nghiên cứu về thời kỳ này. Bối cảnh kháng chiến chống Mỹ cứu nước của miền Bắc đã thúc đẩy nam giới rời quê hương để tham gia vào các lực lượng chiến đấu giai đoạn 1960 – 1975 không chỉ mang ý nghĩa lịch sử mà còn là một yếu tố có tác động đến việc tham gia SX/KD của người phụ nữ trong gia đình. Đặc biệt là trong các gia đình mà người vợ làm nghề nông nghiệp, người chồng là bộ đội và có khoảng thời gian sống xa nhau hơn một năm trở lên trong 5 năm đầu hôn nhân, người vợ có vị trí và vai trò đảm nhiệm chính các công việc SX/KD của hộ gia đình hơn so với các gia đình người vợ làm phi nông nghiệp và người chồng không là công an/bộ đội.

Trong giai đoạn này, mô hình kinh tế chủ đạo của nông thôn miền Bắc là kinh tế tập thể HTX và dữ liệu từ nghiên cứu này cho biết có 84,0% người vợ tham gia HTX mà trong đó chủ yếu là HTX nông nghiệp. Bởi

46 Nghiên cứu Gia đình và Giới. Quyển 27, số 6, tr. 37-46

vậy, bối cảnh lịch sử, chính trị và mô hình lao động sản xuất tập thể HTX ở miền Bắc giai đoạn 1960-1975 có thể là các yếu tố tác động mạnh mẽ đến phân công lao động SX/KD trong hộ gia đình chứ không phải là các nhóm yếu tố nguồn lực như thu nhập, học vấn và mức sống như kết quả nghiên cứu của một số khảo sát ở các địa bàn khác và ở các giai đoạn khác. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp Viện năm 2017 “Phân công lao động giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn miền Bắc giai đoạn 1960-1975”.

Tài liệu trích dẫn

- Bộ Văn hóa, Thể thao, Du lịch, Tổng cục thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF. 2008. *Kết quả điều tra gia đình Việt Nam năm 2006*.
- Đào Hồng Lê. 2014. *Tìm hiểu một số đặc điểm mới quan hệ gia đình ở Miền Bắc Việt Nam giai đoạn 1955-1975*. Báo cáo kết quả đề tài cấp Viện.
- Doãn Hùng và Đoàn Minh Huấn. 2010. *Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954-1975)*. Trong cuốn Đảng Cộng sản Việt Nam – 80 năm xây dựng và phát triển. Nxb. Chính trị Quốc gia.
- Lê Trọng, Lê Thị Nhâm Tuyết. 1988. *Đường đi tới của hợp tác xã và phụ nữ Thịnh Liệt*. Nxb. Nông nghiệp. Hà Nội.
- Mai Huy Bích. 2010. *Xã hội học gia đình*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Mai Văn Hai và cộng sự. 2000. *Quan hệ dòng họ ở chúa thổ sông Hồng*. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Minh, CH. Hirschman. 2000. “Mô hình chung sống với gia đình chồng sau khi kết hôn ở đồng bằng Bắc Bộ và các nhân tố tác động”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 1.
- Nhiều tác giả. 1965. *Phong trào 3 đảm nhiệm trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước*. Nxb. Phụ nữ. Hà Nội.
- Phạm Bích Hàng. 2002. “Địa vị của phụ nữ nông thôn thời kỳ chiến tranh chống Mỹ (Qua nghiên cứu thực nghiệm ở một xã đồng bằng Bắc Bộ)”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 3.
- Tổng cục Thống kê. 1990. *Việt Nam con số sự kiện 1945 – 1989*. Nxb. Sự thật. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hữu Minh. 2008. *Binh đẳng giới ở Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội. Hà Nội.
- Trần Thị Vân Anh. 2001. “Đóng góp kinh tế và địa vị của phụ nữ trong gia đình thời kỳ kinh tế hợp tác xã ở Việt Nam”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, Số 2.